

Chủ bài và trở lực

Hoà Vân

1975 - 2000 - ... Nghĩ về một tương lai không quá xa xôi, nhưng cũng chẳng quá gần, khoảng một phần tư thế kỷ chẳng hạn - như quãng thời gian vừa trôi qua -, một câu hỏi không thể không đặt ra cho Việt Nam cũng như cho các quốc gia, dân tộc khác, là mình có những ưu, lợi thế gì, những trở lực nào có khả năng ngăn cản sự phát huy các ưu thế ấy trên con đường mưu cầu hạnh phúc của mình. Câu hỏi dĩ nhiên quá lớn, và đòi hỏi nhiều công trình nghiên cứu, thảo luận giữa những người có trách nhiệm cầm lái con thuyền quốc gia và mọi tầng lớp công dân, đặc biệt là giới trí thức.

Dưới đây chỉ là vài suy nghĩ tản mạn, với nhiều dấu hỏi hơn là những câu trả lời, xin được coi như một lời mời gọi đóng góp của bạn đọc vào cuộc thảo luận nhiều hơn là những xác tín.

1. Trước khi đi xa hơn, xin trở lại đôi chút về cái chủ từ trong câu hỏi. Không đi vào những tranh cãi về tính chính đáng hay không của chế độ, bài này sẽ dùng những từ □(nước) Việt Nam□ trong nghĩa bình thường của nó : một quốc gia được cộng đồng thế giới nhìn nhận chủ quyền trên một lãnh thổ có biên giới xác định (dù còn một vài tranh chấp chưa giải quyết với vài nước láng giềng), và trên hết, là những người dân chia sẻ cuộc sống trên lãnh thổ đó, tạm gọi là dân tộc Việt Nam. Tất nhiên, không phân biệt □Kinh, Thượng□, □lương, giáo□, chính kiến v.v..., song, không tính tới những người nước ngoài tới đây trong một thời gian ngắn để làm những việc của họ, và cũng xin gác bên ngoài những suy nghĩ dưới đây cái mà người ta quen gọi là □ cộng đồng người Việt ở nước ngoài□. Gác bên ngoài đây không có nghĩa là một sự □ loại trừ□ nào đó mà chỉ là một sự xác lập giới hạn của bài viết. Và chẳng, người viết không nghĩ rằng tương lai của đất nước lại phụ thuộc đến mức quyết định vào những người mà cuộc sống rải rác nơi xứ người dầu sao cũng giới hạn suy nghĩ và hành động liên quan tới đất nước ; song, phân tích điều đó lại là một chuyện khác.

Vậy thì, đâu là những ưu, nhược của nước Việt Nam hiện nay, 25 năm sau ngày hoà bình, độc lập, thống nhất trở về ?

Câu hỏi thiết tưởng không thể tách rời những phân tích về tình hình cụ thể, về các thủ thách mà Việt Nam phải đương đầu *trong hiện tại và trong một vài chục năm tới*. Bởi ưu, nhược điểm là tương đối, và có tác dụng khác nhau trong sự đối phó với chiến tranh hoặc trong các yêu cầu xây dựng đất nước. Nguy cơ tụt hậu đang đe dọa đất nước nhiều hơn một nguy cơ bị xâm lấn võ trang. Do đó, phải chăng câu hỏi trên kia trước hết cần được rọi chiếu dưới góc độ của những vấn đề kinh tế, xã hội ?

2. Nói xây dựng không thể không nghĩ tới những yếu tố tự nhiên gắn với mảnh đất hình chữ S của chúng ta : tài nguyên nhiều, ít ; mưa thuận gió hoà hay thiên tai, bão lụt... Những cơn bão lớn đổ lên nước ta mấy tháng trước (và nếu đi ngược thời gian, khoảng cách có vẻ như bị rút ngắn lại giữa hai thiên tai trong khoảng mười mấy, hai mươi năm qua) cho thấy không thể coi thường các yếu tố đó. Những câu hỏi cần đặt ra không ít. Chẳng hạn, chiến lược khai thác dầu mỏ, mối quan hệ vừa đối chọi vừa hỗ tương giữa phát triển và bảo vệ môi trường, giữa những nhu cầu của thế hệ hôm nay và mai sau v.v... Đó là những câu hỏi - trong nhiều câu hỏi khác - cần được thảo luận nghiêm túc và dĩ nhiên công khai trên các tạp chí, sách vở. Song, nói cho cùng, tài nguyên tự nhiên vừa

có cuộc sống độc lập của chúng, vừa có tác dụng tùy theo khả năng khai thác, sử dụng, nuôi dưỡng hay tàn phá, phát huy và phòng ngừa của những người sống trong đó. Khả năng đó lại bao gồm sự chọn lựa với ít hay nhiều chính xác nơi chốn, địa hạt và thời điểm đầu tư sức người, sức của. Lại một lần nữa, câu hỏi về những ưu thế và trở lực trên kia tưởng cần được xem xét trước hết về những khía cạnh liên quan tới bản thân những người trong cuộc và những mối liên hệ mà họ đang và sẽ kết nối với những cộng đồng khác ở chung quanh và trên thế giới.

3. Những kết quả của cuộc tổng điều tra dân số ngày 1.4 năm 1999 hẳn sẽ giúp các nhà nghiên cứu xã hội học, dân tộc học, kinh tế học... vẽ lên một bức chân dung hoàn chỉnh về dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ 20 này. Trong khi chờ đợi những con số đầy đủ hơn, qua những kết quả điều tra từ nhóm dân số mẫu (khoảng 3% tổng dân số) được công bố ngày 12.1 vừa qua và những thông tin khác, ta cũng có thể nêu ra vài nét lớn. Trước hết, một nét nổi bật thực ra dễ thấy qua những quan sát bình thường : *dân Việt Nam hôm nay rất trẻ*. Tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi là 33,5%, tỷ trọng người già (65 tuổi trở lên) là 5,8% năm 1999.

Tuổi trẻ ấy hiển nhiên là một chủ bài quan trọng hàng đầu, mà nhiều nước trên thế giới hiện không có được. Nhưng ở đây, xin nêu lên trước hết một khía cạnh đặc thù của Việt Nam, một vấn đề chính trị tưởng cần được giải quyết càng sớm càng tốt để phát huy các tác dụng của chủ bài nói trên. Nếu lấy năm 1975 làm gốc, và dùng tỷ lệ tăng trưởng dân số 2,1 % mỗi năm (trung bình của thời kỳ 1979-89), một con tính sơ cho thấy không xa 50 % dân số ở tuổi dưới 25, tức là sinh ra sau hai cuộc chiến tranh giành độc lập chống Pháp và chống Mỹ. Nếu lùi xa hơn về khoảng mười năm trước, tức là tính những người năm nay dưới 35 tuổi, có thể nói không nhầm là *một đa số áp đảo dân Việt Nam hôm nay không còn hay rất ít bị ràng buộc bởi những tình cảm hận thù (ở cả hai phía) do chiến tranh để lại*. Đây là một ưu thế khách quan rất lớn cho những chính sách hoà hợp dân tộc lẽ ra cần được tiến hành ngay từ năm 1975, song vẫn vô cùng cần thiết để thay thế cho những tuyên truyền nuôi dưỡng hận thù mà chính quyền vẫn ương bướng tiến hành và áp đặt trên các phương tiện truyền thông trong nước (trong khi, vì những lý do trực lợi dễ hiểu nhưng không vì thế mà kém khôn ngoan, họ không ngớt lên tiếng muốn "làm bạn với mọi người trên thế giới", kể cả kẻ thù cũ là Mỹ). Việc một thiểu số chống cộng cực đoan không kém ương bướng trong các tuyên truyền cũng đầy thù hận của họ không thể biện minh cho việc chính quyền từ chối đi bước đầu bãi bỏ những phản xạ coi mọi tiếng nói phê phán các chính sách của mình là thù địch.

Xin mở ngoặc để nói ngay : việc bãi bỏ những tuyên truyền lỗi thời kia không mâu thuẫn với yêu cầu nuôi dưỡng một trí nhớ tập thể về thời kỳ đã qua. Ngược lại, nó đòi hỏi cho phép những nhà sử học tự do nghiên cứu, những nhà văn tự do viết về thời kỳ đó, rút ra những bài học về các chiến lược, chiến thuật bảo vệ quốc gia là một đảng, và đảng khác quan trọng không kém, là những bài học nhân văn - từ các hành động tốt cũng như xấu đã xảy ra ở mỗi phía - cần được trân trọng, để tình người trong mỗi thế hệ được sâu sắc hơn, các đối chọi về quyền lợi được xử lý tốt đẹp hơn. Làm cho xã hội bớt đi những căng thẳng tâm lý chẳng phải là một đóng góp cho sự xây dựng kinh tế dễ dàng hơn sao ? Đóng ngoặc.

Có cần nói thêm rằng, không coi các tiếng nói đối lập là thù địch là một tiêu chí quan trọng hàng đầu của một nền chính trị dân chủ ?

4. Mặt khác, khi quá khứ còn giữ một vị trí quá lớn trong các suy nghĩ của nhà cầm quyền, thay vì lẽ ra phải là hiện tại và tương lai, làm sao tránh khỏi tình trạng là quá nhiều

chính sách, tư duy của thời chiến tranh, bao cấp vẫn được duy trì hoặc được cải tổ rất chậm chạp dù đã tỏ ra quá lỗi thời, như những ví dụ về chính sách hộ khẩu, về sự thống trị của khu vực quốc doanh trong nền kinh tế cho thấy.

Trong khi đó, sức ép của những nhu cầu của cuộc sống vẫn mỗi ngày một tăng lên, sự cách ly giữa nhân dân và nhà cầm quyền khiến cho những đòi hỏi của lớp trẻ không hoàn toàn là dễ hiểu, chưa nói tới việc thoả mãn chúng. Thế mà, có gì tự nhiên hơn, cái yêu cầu được tự do đi lại, tìm về các thành phố có những ánh đèn màu, những công ăn việc làm mà nông thôn nghèo đói không thể đem lại cho gần 77 % dân số cả nước ? Thoả mãn nó đặt ra một số vấn đề, nhưng lại là giải phóng biết bao năng lực, dẫn tới những giải pháp mới cho bao nhiêu bế tắc khác. Trong khi, cái *tư duy ngăn đê* của những chính sách hộ khẩu, dưới vỏ " ổn định ", liệu có khả năng duy trì mãi những tình trạng kinh tế - xã hội hầu như bất biến trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu của nông thôn Việt Nam hôm nay ?

ở đây, thiết nghĩ, hỏi cũng đã là trả lời. Thế nhưng, tình hình rõ ràng sẽ không đổi thay mau chóng khi *chính lớp trẻ không trực tiếp trách nhiệm lấy cuộc sống của mình*. Để thoả mãn những nhu cầu của thế hệ mình, và ngay cả chỉ để được tự do thảo luận về những nhu cầu đó. Về điểm này, nổi bật vẫn là nét đáng buồn : tuổi trẻ tiếp tục bị những ràng buộc, kiểm chế, kiểm soát của bộ máy cầm quyền, không có được những tự do hoạt động chính trị bình thường nhất : tự do tập hợp, tự do tranh luận về mọi vấn đề của đất nước. Và chưa tìm được cách vượt qua những ràng buộc ấy. Chỉ nhìn vào nội dung của tờ báo mang tên **Tuổi Trẻ** vài năm gần đây là đủ thấy những ràng buộc ấy nặng nề đến đâu. Thậm chí, ngay trong bản thân đảng cầm quyền, sự nghi kỵ tuổi trẻ cũng thể hiện ở mọi cấp, với một kết quả rõ nét : sự vắng mặt hay sự hiếm hoi của những người trẻ trong các vị trí chính trị có ý nghĩa. Trong vấn đề đã nêu trên kia, cũng có thể nói sự vắng mặt này ảnh hưởng không nhỏ tới sự tiếp tục các chính sách tuyên truyền về một thời mà đa số dân chúng không trải qua hoặc không còn giữ trong trí nhớ. Ngăn đê hay trị thủy, lại vẫn là một câu hỏi liên quan tới phương cách phát huy một chủ bài mới chỉ có trong dạng tiềm thể !

5. Song, người ta vẫn có thể nghĩ rằng những sự kiểm chế đó sẽ dần dần bị buộc phải nới rộng, cũng như nhiều chính sách kinh tế giáo điều, cứng nhắc ngày xưa đã phải nhường chỗ cho những cải tổ, " đổi mới " từ hơn 10 năm nay. Và ngay cả trong trường hợp xấu nhất, quy luật sinh học cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi thế hệ ở mọi vị trí xã hội !

Do đó, vẫn cần đi sâu vào câu hỏi về ưu, nhược điểm của tuổi trẻ Việt Nam hôm nay, về khả năng thực tế của thế hệ này trong việc giải quyết những vấn đề đang đặt ra cho mình và cho đất nước. Liệu nó có sáng tạo được những giải pháp để vượt qua các bế tắc về chính trị, để thành công trong kinh tế, để xây dựng được nếp sống xã hội văn minh với những nét đặc thù văn hoá dân tộc, v.v. ?

Một câu hỏi liên quan : Tuổi trẻ đó có được học hành tử tế, được tiếp xúc với thế giới bên ngoài ?

Kết quả của cuộc tổng điều tra dân số nói rằng " đối với số dân từ 10 tuổi trở lên, tỷ lệ biết đọc, biết viết là 91 % (năm 1989 là 88 %) ; đối với số dân từ 13 tuổi trở lên có 7,6 % đạt được một trình độ chuyên môn, kỹ thuật nào đó ; trong đó : 2,3 % là công nhân kỹ thuật hoặc nhân viên nghiệp vụ đã được đào tạo, 2,8 % có trình độ trung học chuyên nghiệp, 0,7 % cao đẳng, 1,7 % đại học và 0,1 % có trình độ trên đại học. "

Bên cạnh những con số học sinh các cấp ở trong nước, người ta cũng có thể kể thêm một số bắt đầu không nhỏ sinh viên đi học ở nước ngoài (tuy con số này có lẽ chưa vượt qua 10 ngàn, xin xem số du học sinh ở Mỹ trong ĐD số 91). Sự kiện đa số du học sinh là con em của các quan chức lớn trong chính quyền, hoặc của những □ nhà giàu mới □ ít nhiều gắn bó với bộ máy, có lẽ không khác lắm với ở các nước nghèo khác, và dù có rõ rệt hơn đôi chút so với các nước khác, không làm giảm đi bao nhiêu ý nghĩa tích cực của việc ngày càng có nhiều thanh niên có điều kiện ra ngoài học tập - và trong giả định rằng tỷ số trở về sẽ đông hơn những thời kỳ trước khi còn chiến tranh hoặc khi kinh tế còn quá khó khăn. Kinh nghiệm cho thấy, lớp thanh niên ấy không chỉ học được những tri thức khoa học, kỹ thuật cần thiết cho công cuộc phát triển đất nước, mà một số không nhỏ qua tiếp xúc với nếp sống dân chủ ở nơi mình học cũng thấm dần những suy nghĩ, tác phong mà họ không thấy ở trong nước. Đúng là không có tính tiền định nào buộc các □ con ông cháu cha □ phải tiếp tục những tác phong gia trưởng, phản dân chủ của cha ông họ.

Thế nhưng, những con số " 1,7 % đại học và 0,1 % có trình độ trên đại học ", cộng với số sinh viên du học nói trên, có thực là minh chứng cụ thể về ưu điểm của tuổi trẻ Việt Nam, thì lại là vấn đề khác. Ngoài sự mất thăng bằng so với con số công nhân kỹ thuật có tay nghề - lẽ ra phải cao hơn nhiều mới đáp ứng được những đòi hỏi của nền kinh tế -, người ta không thấy rõ hiệu quả của con số cả triệu người có trình độ đại học ấy trong nền sản xuất và trong cuộc sống xã hội. Trong kinh tế, các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu than van về sự thiếu hiệu năng của nhân lực Việt Nam. Và, một ví dụ nhỏ khác : chẳng ai quan tâm đến những tuyên bố huênh hoang của một ông thú trưởng rằng Việt Nam sẽ nhảy vào thị trường công nghệ cao chỉ trong vài năm tới. Một vài tài năng chớm nở, được quảng cáo rầm rộ trên những phương tiện truyền thông, vẫn chỉ chứng minh những khả năng tiềm ẩn - và trong một vài trường hợp như việc đổ công sức cho các thí sinh học đêm ngày để giành những giải thưởng *thi cử* dù là quốc tế, chỉ có tác dụng tai hại là tạo ảo tưởng về thực lực của cả một thế hệ, một dân tộc. Cái nhược điểm quá coi trọng bằng cấp, coi trọng cái học từ chương, được các nhà nho yêu nước vạch ra từ đầu thế kỷ hình như vẫn ngự trị, thậm chí trầm trọng hơn dưới các chính sách giáo dục, văn hoá của chế độ. Bên cạnh đó, sự nghèo nàn của những nghiên cứu khoa học xã hội - và sự lão hoá của đội ngũ các nhà nghiên cứu mà mặt báo này đã có dịp phản ánh từ mấy năm trước ! là một ví dụ khác về cái nhược điểm rất lớn ấy của dân tộc, mà thế hệ trẻ hiện nay vẫn mang trên người.

6. Thiếu các cuộc thảo luận tự do trên những phương tiện truyền thông, không bị vòng kim cô chính trị của đảng kèm chặt, người ta không thấy nở rộ những ý tưởng độc đáo, mới lạ hoặc có tác dụng cao được lớp trẻ có trình độ học vấn đưa ra nhằm giải quyết những vấn đề gay góc của cuộc sống. Và người ta cũng không thấy được những tìm tòi của chính lớp trẻ ấy - với những góp ý, chú không phải áp đặt của những người lớn tuổi hơn - để phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm của mình, ưu điểm và nhược điểm được bộc lộ qua thủ thách khi thực thi trách nhiệm ở mọi cương vực, chú không phải chỉ là qua suy luận, phán đoán từ sách vở (tuy không ai chối cãi là từ sách vở, hiểu biết của những nhà nghiên cứu, người ta có thể rút ra được nhiều điều hữu ích...).

Đó là một khía cạnh khác nói lên khó khăn của việc giải đáp những câu hỏi và những vấn đề nêu trên kia. Song, xin nhắc lại, bài viết nhỏ này chỉ là vài suy nghĩ tản mạn về một chủ đề thảo luận quan trọng, thiết tưởng cần được nêu ra trong những ngày kỷ niệm một phần tư thế kỷ này...